

Vietnam Daily Review

Thị trường tiếp tục giảm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/5/2022	•		
Tuần 16/5-20/5/2022	•		
Tháng 5/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục duy trì đà giảm trong cả ngày hôm nay, chính thức giảm dưới ngưỡng hỗ trợ 1200, kết phiên giảm 56 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/19 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Ngưỡng 1200 là vùng hỗ trợ cứng của thị trường, vì vậy có thể trong phiên thứ hai tuần sau VN-Index sẽ có sự hồi nhẹ về xung quanh mốc này; hoặc nếu không thì chỉ số sẽ tiếp tục lùi về ngưỡng hỗ trợ tiếp theo là vùng 1150.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư thận trọng giao dịch hoặc đứng ngoài chờ hình thành giai đoạn tích lũy đi lên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/05/2022, các chứng quyền vẫn vận động theo xu hướng giảm của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-56.07** điểm, đóng cửa **1182.77** điểm. HNX-Index **-13.13** điểm, đóng cửa **302.39** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VJC (+0.16)**, **BHN (+0.03)**, **HRC (+0.03)**, **CSM (+0.02)**, **RIC(+0.02)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-4.73)**, **GAS (-2.68)**, **HPG (-2.60)**, **MSN(-2.51)**, **VPB (-2.30)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 18.389 tỷ đồng, tăng **31.32%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20.366 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 57.20 điểm. Thị trường có **37** mã tăng, 20 mã tham chiếu và **436** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **567.68** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNVD (587.94 tỷ)**, **VNM (89.80 tỷ)**, **CTG (69.16 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.55** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1182.77**
Giá trị: 18388.55 tỷ **-56.07 (-4.53%)**
Khối ngoại (ròng): 567.68 tỷ

HNX-INDEX **302.39**
Giá trị: 1911.62 tỷ **-13.13 (-4.16%)**
Khối ngoại (ròng): -3.55 tỷ

UPCOM-INDEX **93.61**
Giá trị: 0.78 tỷ **-2.83 (-2.93%)**
Khối ngoại(ròng): 10.05 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	107.1	0.91%
Giá vàng	1,825	0.17%
Tỷ giá USD/VND	23,095	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	24,043	0.10%
Tỷ giá JPY/VND	17,934	-0.07%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	1.06%
LS TPCP 5 năm	2.4%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	587.9	HPG	-219.4
VNM	89.8	STB	-75.5
CTG	69.2	VCB	-47.7
VRE	56.1	KBC	-43.0
DGC	49.9	VHM	-38.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 13/05

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	106.13	0.40%	-1.97%	2.25%	66.30%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	108.02	0.47%	-2.60%	-0.06%	61.10%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.80	3.07%	3.82%	16.14%	81.29%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1821.43	-1.66%	-2.95%	-7.90%	-0.28%		PNJ
Bạc	USD/ounce	20.68	-4.06%	-8.10%	-19.60%	-23.58%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1660.25	0.61%	-1.09%	-0.94%	4.81%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1178.75	5.91%	6.53%	5.13%	68.03%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.92	0.12%	-0.08%	2.89%	30.95%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	246.00	-0.81%	-0.73%	-8.75%	-4.43%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.60	0.27%	-0.96%	-7.46%	8.71%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	2.69	-3.93%	-13.23%	-2.54%	-10.93%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	216.55	-1.61%	-0.85%	-3.78%	48.68%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.11	-2.55%	-4.20%	-12.88%	-12.76%	HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	5024.00	-0.71%	-3.55%	0.14%	-15.39%		
Nhôm	USD/ton	2773.00	-0.18%	-4.90%	-14.31%	12.98%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	127.00	3.25%	-10.56%	-14.19%	-44.66%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	385.00	1.99%	8.45%	26.85%	285.00%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent giảm 6 US cent xuống 107.45 USD/thùng. Dầu WTI tăng 42 US cent hay 0.4% lên 106.13 USD/thùng.
- Giá dầu đóng cửa trái chiều do lo ngại về nguồn cung và căng thẳng địa chính trị tại Châu Âu chiếm ưu thế hơn so với lo sợ về kinh tế khi lạm phát tăng cao.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay giảm 1.6% xuống 1,823.14 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 6 đóng cửa giảm 1.6% xuống 1,824.6 USD/ounce.
- Vàng và các kim loại quý khác giảm, với paladi giảm hơn 8% do các nhà đầu tư tập trung vào USD bởi đặt cược Cục dự trữ Liên bang Mỹ sẽ duy trì các đợt tăng lãi suất tích cực.

Giá cao su

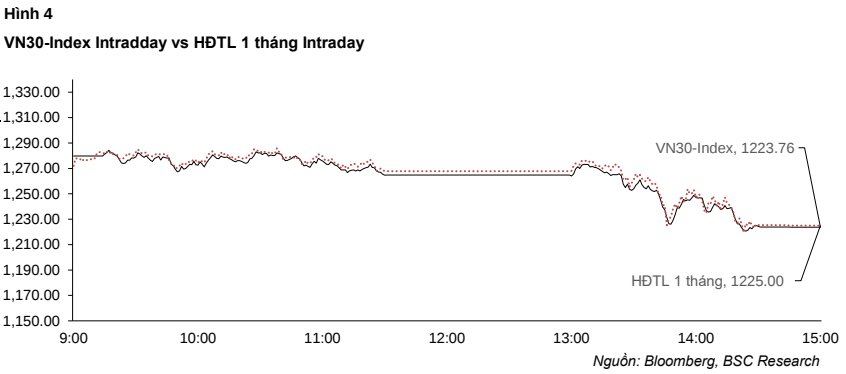
- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 10 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa giảm 4.7 JPY hay 1.9% xuống 244.4 JPY (1.9 USD)/kg, sau khi xuống mức thấp nhất kể từ ngày 17/3 tại 243.5 JPY.
- Giá cao su Nhật Bản giảm xuống mức thấp nhất 8 tuần, bởi chỉ số Nikkei yếu, trong khi giá dầu thô giảm không khuyến khích chuyển sang cao su tự nhiên từ cao su nhân tạo.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7 đóng cửa tăng 0.09 US cent hay 0.5% lên 18.64 US cent/lb, trước đó giá đã giảm xuống mức thấp nhất trong gần 3 tháng tại 18.3 US cent/lb.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 đóng cửa giảm 4.6 US cent hay 2.1% xuống 2.153 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 giảm 20 USD hay 1% xuống 2,058 USD/tấn.

	13/5	% 13/5	12/5	% 12/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1182.77	-4.53%	1238.84	-4.82%	-11.02%	-20.19%
S&P 500			3930.08	-0.13%	-5.23%	-10.93%
HĐTL S&P500	3972.75	1.16%	3927.25	-0.08%	-3.56%	-9.57%
Shang- hai	3084.28	0.96%	3054.99	-0.12%	2.76%	-5.15%
Euro Stoxx	3650.61	1.03%	3613.43	-0.94%	0.59%	-4.92%

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1225.00	-3.54%	1.24	26.2%	437,718	5/19/2022	6
VN30F2206	1226.00	-3.84%	2.24	104.6%	2,334	6/16/2022	34
VN30F2209	1226.00	-4.41%	2.24	92.9%	243	9/15/2022	125
VN30F2212	1231.00	-4.40%	7.24	81.8%	160	12/15/2022	216

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 56.00 điểm lên 1223.76 điểm. Các cổ phiếu như SSI, VPB, HPG, TCB và MWG đã tác động đến vận động của VN30. VN30 tiếp tục điều chỉnh mạnh. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường đã tăng trở lại và cho thấy lực cầu bắt đáy đang dần hồi phục trong thị trường. Hiện tượng này, cho thấy đà giảm của thị trường có thể sẽ xuất hiện 1 giai đoạn tích lũy quanh mốc 1200 điểm.
- Các HDTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, tất cả các HD đều tăng mạnh. Xét về vị thế mở, có sự cân bằng giữa các HD khi VN30F2206 và VN30F2212 tăng, VN30F2205 và VN30F2209 giảm. Khuyến nghị các nhà đầu tư thận trọng giao dịch hoặc đứng ngoài chờ hình thành giai đoạn tích lũy đi lên.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2201	9/20/2022	130	6:1	102,000	28.87%	2,600	1,900	-2.56%	2,385	0.80	154,360	134,500	125,100
CNVL2202	8/15/2022	94	15.2:1	860,600	23.06%	1,000	460	-9.80%	230	2.00	112,223	79,999	75,000
CFPT2201	9/20/2022	130	5:1	1,123,300	26.40%	2,100	920	-16.36%	1,063	0.87	118,800	106,000	93,600
CVHM2201	9/21/2022	131	8:1	19,200	26.15%	1,300	330	-17.50%	72	4.59	94,398	87,678	68,000
CVRE2203	8/15/2022	94	3:1	265,800	37.07%	1,600	360	-18.18%	233	1.55	36,709	33,979	25,300
CFPT2202	6/24/2022	42	8:1	681,900	26.40%	1,700	1,020	-20.31%	1,618	0.63	101,540	89,700	93,600
CTPB2201	9/20/2022	130	2:1	213,600	41.52%	1,800	270	-20.59%	509	0.53	42,820	42,000	30,000
CHPG2201	10/21/2022	161	10:1	1,443,500	31.20%	1,300	360	-23.40%	98	3.67	73,866	49,666	35,900
CHPG2206	8/15/2022	94	8:1	262,100	31.20%	1,000	280	-24.32%	60	4.64	49,928	48,888	35,900
CTCB2201	9/20/2022	130	2:1	783,800	27.12%	2,100	240	-25.00%	28	8.48	55,320	55,000	33,800
CPOW2201	7/15/2022	63	8:1	199,300	49.15%	1,000	140	-26.32%	26	5.45	20,586	16,666	11,450
CPDR2202	8/15/2022	94	5:1	351,300	31.84%	1,200	290	-30.95%	347	0.84	72,908	92,222	53,600
CACB2201	9/20/2022	130	4:1	662,900	24.28%	1,500	360	-32.08%	172	2.09	47,980	35,500	27,500
CVRE2114	5/24/2022	11	3:1	239,200	37.07%	3,160	20	-33.33%	1	39.36	38,350	34,000	25,300
CKDH2203	7/18/2022	66	2:1	735,800	35.59%	5,000	340	-42.37%	64	5.35	58,780	57,000	39,300
CKDH2202	6/24/2022	42	2:1	203,600	35.59%	2,080	180	-45.45%	102	1.77	54,860	52,000	39,300
CACB2102	7/1/2022	49	2:1	805,000	24.28%	2,900	160	-46.67%	106	1.51	36,680	35,000	27,500
CMWG2113	5/24/2022	11	10:1	617,200	28.87%	2,250	20	-50.00%	7	2.85	229,600	113,000	125,100
CPNJ2110	5/24/2022	11	4.96:1	138,500	35.69%	2,000	50	-58.33%	138	0.36	119,490	113,000	97,500
CVRE2202	6/9/2022	27	3:1	834,900	37.07%	2,400	50	-66.67%	14	3.61	39,550	34,900	25,300
Tổng				10,441,500	31.80%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/05/2022, các chứng quyền vẫn vận động theo xu hướng giảm của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2201 và CACB2102 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 66.67% và 63.27%. Giá trị giao dịch tăng nhẹ 13.68%. CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 29.22% thị trường.
- CPOW2202, CPNJ2201, CMSN2201, và CVPB2202 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2201, CVRE2113, CVRE2110, và CHPG2206 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2202, CPNJ2201, và CMWG2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	125.1	-6.9%	0.5	3,982	15.6	7,030	17.8	4.1	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	97.5	-3.6%	0.6	1,027	3.8	5,443	17.9	3.0	52.2%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	50.7	-7.0%	1.3	1,636	7.0	2,557	19.8	1.7	26.3%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	47.5	-2.1%	0.5	484	0.6	3,644	13.0	1.4	58.1%	11.1%
VIC	Bất động sản	78.0	-1.3%	0.6	12,934	10.6	(578)	#N/A	2.8	12.6%	-2.4%
VRE	Bất động sản	25.3	-5.9%	1.1	2,500	7.9	401	63.1	1.9	31.0%	3.0%
VHM	Bất động sản	68.0	-1.3%	1.0	12,874	20.1	8,786	7.7	2.3	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	26.9	-6.9%	1.5	709	7.6	1,503	17.9	1.8	31.5%	11.3%
SSI	Chứng khoán	25.8	0.0%	1.7	1,114	28.2	3,023	8.5	1.7	37.5%	22.6%
VCI	Chứng khoán	30.1	-7.0%	1.0	435	8.1	4,884	6.2	1.4	18.9%	26.9%
HCM	Chứng khoán	19.8	-6.4%	1.6	394	6.1	2,619	7.6	1.2	42.5%	17.9%
FPT	Công nghệ	93.6	-2.1%	1.0	3,693	17.1	5,152	18.2	4.4	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	70.5	-3.8%	0.4	1,006	0.0	4,926	14.3	3.9	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	100.0	-5.3%	1.1	8,322	4.0	5,109	19.6	3.5	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	37.4	-3.2%	1.5	2,063	3.3	1,950	19.2	1.9	17.3%	9.9%
PVS	Dầu khí	23.1	2.7%	1.8	480	15.0	1,408	16.4	0.9	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	18.5	-3.6%	0.8	2,494	7.1	2,108	8.8	1.5	41.1%	19.1%
DHG	Dược	94.0	-2.6%	0.2	534	0.1	6,105	15.4	3.5	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	49.5	-7.0%	1.0	842	7.8	12,920	3.8	1.6	12.8%	50.2%
DCM	Hóa chất	28.1	-7.0%	1.0	646	5.8	5,643	5.0	1.7	7.5%	38.9%
VCB	Ngân hàng	73.0	-5.2%	0.9	15,021	6.5	4,855	15.0	3.0	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	31.8	-5.4%	1.2	6,994	3.4	2,266	14.0	1.9	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	23.9	-4.4%	1.6	4,994	8.5	2,558	9.3	1.2	25.9%	13.0%
VPB	Ngân hàng	29.0	-6.8%	1.2	5,605	26.9	3,874	7.5	1.5	17.5%	24.0%
MBB	Ngân hàng	24.1	-6.0%	1.2	3,959	17.7	3,623	6.7	1.4	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	27.5	-6.8%	1.1	3,231	7.7	3,852	7.1	1.5	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	53.3	-2.2%	0.6	190	0.0	3,150	16.9	1.8	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	47.0	-3.3%	0.4	241	0.2	3,990	11.8	1.9	17.9%	16.9%
MSR	Tài nguyên	19.2	-10.7%	1.3	918	0.8	178	107.9	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	35.9	-6.1%	1.1	6,982	69.7	7,443	4.8	1.6	21.7%	40.4%
HSG	Thép	21.3	-6.8%	1.5	456	9.1	7,157	3.0	0.9	6.9%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	66.1	-0.6%	0.6	6,006	13.3	4,390	15.1	4.3	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	162.7	-1.3%	0.8	4,536	2.3	5,969	27.3	4.9	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	96.9	-6.9%	0.9	5,968	7.7	7,041	13.8	5.0	28.6%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	14.4	-6.8%	1.4	394	2.3	1,144	12.6	1.1	8.5%	8.3%
ACV	Vận tải	86.0	-3.0%	0.8	8,140	0.4	363	237.1	5.0	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	125.9	0.9%	1.1	2,965	3.8	361	348.3	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	17.8	-6.6%	1.7	1,709	1.4	(6,783)	N/A	N/A	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	52.0	-7.0%	1.0	681	7.4	2,256	23.1	2.4	44.6%	10.8%
PVT	Vận tải	16.6	-6.2%	1.4	233	3.9	2,088	7.9	1.0	11.0%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	82.1	-5.6%	0.7	571	0.5	10,540	7.8	2.5	3.3%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.6	-7.0%	0.5	674	1.9	3,677	9.4	2.0	4.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.9	-6.9%	0.9	247	1.1	783	19.0	1.1	2.0%	5.6%
CTD	Xây dựng	43.0	-6.9%	1.2	138	2.2	(27)	N/A	N/A	45.6%	0.0%
CII	Xây dựng	18.4	-6.6%	1.3	201	6.7	1,266	14.5	0.9	11.1%	6.1%
REE	Điện	81.0	-6.9%	-1.4	1,088	6.3	6,893	11.8	1.8	49.0%	16.7%
PC1	Điện	32.6	-7.0%	-0.4	333	2.7	3,238	10.1	1.6	5.2%	16.9%
POW	Điện	11.5	-6.9%	0.6	1,166	10.2	859	13.3	0.9	2.0%	6.9%
NT2	Điện	20.1	-4.3%	0.6	252	0.8	1,933	10.4	1.3	13.9%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	36.3	-6.9%	1.5	909	8.4	1,154	31.4	1.4	18.6%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	73.3	-7%	0.9	3,299	1.0	1,190	61.6	4.6	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	125.90	0.88	0.15	687900
BHN	56.70	0.89	0.03	4000
HRC	54.00	5.88	0.02	200
CSM	15.40	5.48	0.02	175100
BBC	73.90	3.36	0.01	2000

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	-0.01	-4.81	1.96MLN	1.11MLN
GAS	-0.01	-2.72	899400	607060
HPG	-0.01	-2.67	43.00MLN	373600
MSN	-0.01	-2.59	1.76MLN	192700
VPB	-0.01	-2.40	20.47MLN	611640

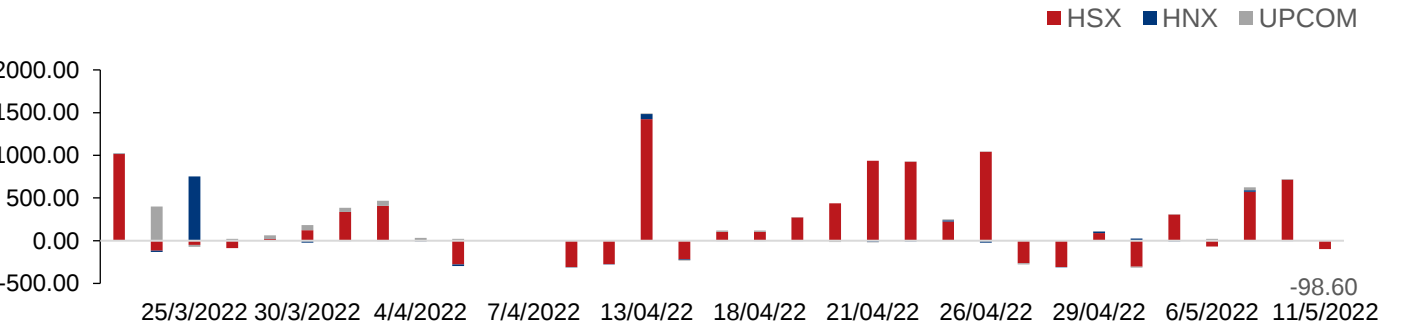
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	13.90	6.92	0.01	4900.00
ABT	43.70	6.72	0.01	7900
HRC	54.00	5.88	0.02	200
CSM	15.40	5.48	0.02	175100
ABR	20.40	4.88	0.01	1800

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CHP	23.80	-8.11	-0.08	40000
PC1	32.55	-7.00	-0.15	1.89MLN
DGC	183.40	-7.00	-0.60	2.51MLN
GEX	20.60	-7.00	-0.34	15.89MLN
PAN	20.60	-7.00	-0.09	1.97MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	93.6	5,152	18.2	4.4	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	26.2	2,466	10.6	1.7	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	27.6	11,559	2.4	1.0	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	11.5	859	13.3	0.9	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	97.5	5,443	17.9	3.0	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	125.1	7,030	17.8	4.1	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	16.6	2,088	7.9	1.0	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	183.4	18,902	9.7	4.3	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	35.9	7,443	4.8	1.6	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	36.3	1,154	31.4	1.4	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	26.1	5,084	5.1	1.7	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	26.9	1,503	17.9	1.8	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	100.2	8,596	11.7	4.5	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	41.6	2,136	19.5	2.1	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	25.2	2,917	8.6	1.6	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	87.5	8,331	10.5	2.5	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	29.8	1,941	15.3	1.4	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	47.5	3,644	13.0	1.4	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	23.1	1,408	16.4	0.9	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	100.0	5,109	19.6	3.5	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	18.6	3,141	5.9	1.2	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	43.0	-27	#N/A N/A	0.4	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.5	1,701	7.9	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.0	1,350	8.1	0.5	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.0	1,350	8.1	0.5	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	14.0	2,433	5.7	1.1	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	97.5	5,443	17.9	3.0	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	97.5	5,443	17.9	3.0	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	125.1	7,030	17.8	4.1	Click
30	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	44.2	2,762	16.0	3.1	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	43.8	1,900	23.1	1.9	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	18.5	2,108	8.8	1.5	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	16.1	1,034	15.5	0.9	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	87.5	8,331	10.5	2.5	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	30.1	2,916	10.3	1.6	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	12.4	689	18.0	0.9	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	21.9	2,054	10.6	1.1	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.3	3019.9	14.7	1.8	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	20.1	1,933	10.4	1.3	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	100.0	5,109	19.6	3.5	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	27.6	11,559	2.4	1.0	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	39.3	1,878	20.9	2.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	66.1	4,390	15.1	4.3	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	93.6	5,152	18.2	4.4	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	25.3	401	63.1	1.9	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	183.4	18,902	9.7	4.3	Click
47	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	32.9	6,244	5.3	1.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
6	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
9	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
11	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
14	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
15	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
16	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
18	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
21	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
24	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
31	Banking Sector Outlook		x	Click
32	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
34	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
35	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
36	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
37	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
39	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
40	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
41	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
42	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
43	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
44	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639